

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023

Đơn vị được thông báo: Trung tâm Công báo và Tin học.

Mã chương: 405.

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Công báo và Tin học và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 22/7/2024 giữa Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm Công báo và Tin học.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Công báo và Tin học như sau:

I. Phân số liệu

1. Số liệu quyết toán

- a) Thu phí, lệ phí: Không có.
b) Quyết toán chi ngân sách:

DVT: Đồng.

- Số dự toán năm trước mang sang	4.000.000
- Tổng dự toán giao đầu năm	3.109.000.000
- Kinh phí giảm trong năm	
- Kinh phí bổ sung tăng trong năm	
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.113.000.000
- Tổng quyết toán chi ngân sách	3.109.000.000
- Số kinh phí còn tồn	4.000.000
+ Dự toán hủy bỏ	
+ Dự toán chuyển năm sau	4.000.000

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c kèm theo)

2. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Dự toán được chuyển sang năm sau: 4.000.000 đồng, đây là kinh phí cải cách tiền lương chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

		ĐVT: đồng.
1	Doanh thu	948.567.659
2	Chi phí	758.161.189
3	Thặng dư/thâm hụt	190.406.470
4	Chi phí thuế TNDN	32.950.000
5	Thặng dư/thâm hụt trong năm	157.456.470
a	Phân phối cho các quỹ	
b	Kinh phí cải cách tiền lương	62.982.588
C	Số dư chuyển năm sau	94.473.882

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b kèm theo).

III. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

Trung tâm Công báo và Tin học hạch toán một số khoản chi phúc lợi, khen thưởng vào chi phí không đúng quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, với số tiền là 230.800.154 đồng; do đó, dẫn đến việc trích lập nguồn cải cách tiền lương chưa bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, số tiền 21.720.588 đồng.

2. Kiến nghị

- Đề nghị rút kinh nghiệm đối với việc hạch toán thu, chi các năm sau đảm bảo theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đề nghị Trung tâm Công báo và Tin học thực hiện trích lập bổ sung nguồn cải cách tiền lương là 21.720.588 đồng./.

Nơi nhận:

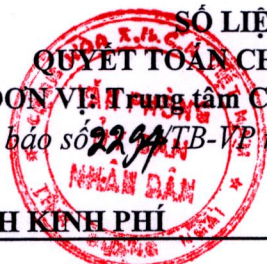
- Sở Tài chính;
- KBNN Quảng Ngãi;
- VPUB: Ban TV Đảng uỷ, CVP, PCVP, CT CĐCS, TB TTND;
- Trang TTĐT Văn phòng;
- T. Tâm CBTH;
- Lưu: VT, HCQT.Hien69.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Quốc Việt

SỐ LIỆU THẨM ĐỊNH
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
ĐƠN VỊ: Trung tâm Công báo và Tin học Quảng Ngãi
(Kèm theo Thông báo số 2299/TB-VP ngày 07/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ**

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	
			Tổng cộng	171
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC			
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	4.000.000	4.000.000
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2	2.731.000	2.731.000
	- Kinh phí đã nhận	3		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4	2.731.000	2.731.000
1.2	1.2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5	1.269.000	1.269.000
	- Kinh phí đã nhận	6		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7	1.269.000	1.269.000
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	3.109.000.000	3.109.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9	1.566.000.000	1.566.000.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	1.543.000.000	1.543.000.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	3.113.000.000	3.113.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	1.568.731.000	1.568.731.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	1.544.269.000	1.544.269.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	3.109.000.000	3.109.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	1.566.000.000	1.566.000.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	1.543.000.000	1.543.000.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	3.109.000.000	3.109.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	1.566.000.000	1.566.000.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	1.543.000.000	1.543.000.000
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	0	0
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21 =22+23+24)	21	0	0
	- Đã nộp NSNN	22		
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18- 22-31)	23		
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24	0	0
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	0	0
	- Đã nộp NSNN	26		
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19- 26-34)	27		
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28	0	0
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	4.000.000	4.000.000
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	2.731.000	2.731.000
	- Kinh phí đã nhận	31		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	2.731.000	2.731.000
7.2	7.2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	1.269.000	1.269.000
	- Kinh phí đã nhận	34		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	1.269.000	1.269.000

Mẫu biểu 1b

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

ĐƠN VỊ: Trung tâm Công báo và Tin học Quảng Ngãi

(Kèm theo Thông báo số **229/TB-VP** ngày **07/10/2024** của Văn phòng UBND tỉnh)



Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng cộng	Trung tâm Công báo và Tin học
A	B		
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp		
1	Doanh thu (01=02+03+04)	3.284.276.500	3.284.276.500
	a. Từ NSNN cấp	3.284.276.500	3.284.276.500
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài		
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại		
2	Chi phí (05=06+07+08)	3.284.276.500	3.284.276.500
	a. Chi phí hoạt động	3.284.276.500	3.284.276.500
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài		
	c. Chi phí hoạt động thu phí		
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)		
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1	Doanh thu	948.088.000	948.088.000
2	Chi phí	757.926.189	757.926.189
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	190.161.811	190.161.811
III	Hoạt động tài chính		
1	Doanh thu	479.659	479.659
2	Chi phí	235.000	235.000
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	244.659	244.659
IV	Hoạt động khác		
1	Thu nhập khác		
2	Chi phí khác		
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)		
V	Chi phí thuế TNDN	32.950.000	32.950.000
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	157.456.470	157.456.470
1	Phân phối cho các quỹ		
2	Kinh phí cải cách tiền lương	62.982.588	62.982.588
3	Số dư chuyển năm sau	94.473.882	94.473.882